

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 11, số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Takashi Fujii	Chủ tịch	Ngày 10 tháng 2 năm 2017 (*)
Ông Yotaro Numata	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2016
Ông Shigeo Tsuyuki	Thành viên	Ngày 1 tháng 1 năm 2018 (*)
Ông Trần Châu Danh	Thành viên	Ngày 10 tháng 2 năm 2017 (*)
Ông Trần Đình Quân	Thành viên	Ngày 1 tháng 7 năm 2017 (*)

(\*) Ông Takashi Fujii là Chủ tịch của Hội đồng Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2014  
Ông Shigeo Tsuyuki là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 1 tháng 1 năm 2015  
Ông Trần Châu Danh là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 10 tháng 2 năm 2014  
Ông Trần Đình Quân là thành viên của Hội đồng Thành viên từ ngày 1 tháng 7 năm 2014

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Châu Danh, được bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2014, tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2017.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Châu Danh, chức vụ Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61147610/20162023

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

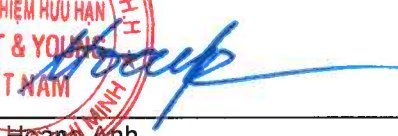
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Trịnh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

  
Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
 Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
 ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTQ

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>69.320.699.502</b>	<b>27.571.200.867</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>122.272.140</b>	<b>95.280.517</b>
111	1. Tiền		122.272.140	95.280.517
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>56.900.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		56.900.000.000	20.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>11.308.175.024</b>	<b>6.599.079.940</b>
132	1. Trả trước cho người bán		90.015.000	-
134	2. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	7	6.528.595.550	5.324.152.172
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.689.564.474	1.274.927.768
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>990.252.338</b>	<b>876.840.410</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	990.252.338	876.840.410
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>7.725.554.451</b>	<b>32.788.643.758</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>606.500.000</b>	<b>590.347.223</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	606.500.000	590.347.223
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.905.182.553</b>	<b>3.253.716.256</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	578.718.593	507.672.000
222	Nguyên giá		1.118.777.000	846.120.000
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(540.058.407)	(338.448.000)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.326.463.960	2.746.044.256
228	Nguyên giá		4.501.858.148	4.054.843.148
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.175.394.188)	(1.308.798.892)
<b>240</b>	<b>III. Xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>3.330.015.737</b>	-
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		3.330.015.737	-
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	<b>28.200.000.000</b>
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	28.200.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>883.856.161</b>	<b>744.580.279</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	651.195.348	696.612.498
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		232.660.813	47.967.781
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>77.046.253.953</b>	<b>60.359.844.625</b>



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

B01-CTQ

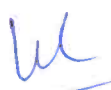
VND


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.743.439.184</b>	<b>5.040.586.348</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.308.439.184</b>	<b>4.750.586.348</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		647.766.842	99.510.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.445.406.896	1.270.404.577
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.018.016.064	3.075.556.908
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		197.249.382	305.114.863
<b>330</b>	<b>I. Nợ dài hạn</b>		<b>435.000.000</b>	<b>290.000.000</b>
359	1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		435.000.000	290.000.000
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>70.302.814.769</b>	<b>55.319.258.277</b>
<b>410</b>	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>		<b>70.302.814.769</b>	<b>55.319.258.277</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		2.276.218.979	1.527.041.154
419	3. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		2.276.218.979	1.527.041.154
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		40.750.376.811	27.265.175.969
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>77.046.253.953</b>	<b>60.359.844.625</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>030</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>17</b>	<b>7.846.510.442</b>	<b>2.094.011.835</b>
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		7.846.510.442	2.094.011.835
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>18</b>	<b>144.455.865.174</b>	<b>145.109.053.631</b>
041	Danh mục nhà đầu tư ủy thác trong nước		144.455.865.174	145.109.053.631
<b>050</b>	<b>Các khoản phải thu khác của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>19</b>	<b>524.244.425</b>	<b>717.790.377</b>
<b>051</b>	<b>Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>20</b>	<b>7.547.822.100</b>	<b>5.976.628.808</b>

  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh  
Đông Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019




**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B02-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	21	38.009.169.067	30.318.962.380
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		38.009.169.067	30.318.962.380
20	4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		38.009.169.067	30.318.962.380
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.543.914.746	2.746.309.944
22	6. Chi phí từ hoạt động tài chính		-	-
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(22.781.607.759)	(17.405.610.240)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		18.771.476.054	15.659.662.084
31	9. Thu nhập khác		-	-
32	10. Chi phí khác		-	-
40	11. Lợi nhuận khác		-	-
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.771.476.054	15.659.662.084
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.2	(3.972.612.594)	(3.217.272.643)
52	14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	24.3	184.693.032	12.241.987
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.983.556.492	12.454.631.428

  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập

  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng



Ngày 29 tháng 3 năm 2019

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (phương pháp gián tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

B03-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>18.771.476.054</b>	<b>15.659.662.084</b>
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	1.068.205.703	1.035.819.296
03	2. Thay đổi các khoản dự phòng		145.000.000	145.000.000
05	3. Doanh thu từ hoạt động đầu tư		(3.543.914.746)	(2.746.309.944)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>16.440.767.011</b>	<b>14.094.171.436</b>
09	1. Tăng các khoản phải thu		(2.584.388.349)	(1.763.520.755)
11	2. Tăng các khoản phải trả		967.116.043	895.189.252
12	3. Tăng chi phí trả trước		(280.364.778)	(219.909.698)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.817.272.643)	(2.701.071.760)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>10.725.857.284</b>	<b>10.304.858.475</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(3.401.920.895)	-
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(30.200.000.000)	(49.300.000.000)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		21.500.000.000	36.100.000.000
27	4. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư		1.403.055.234	2.285.287.452
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư</b>		<b>(10.698.865.661)</b>	<b>(10.914.712.548)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>26.991.623</b>	<b>(609.854.073)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>95.280.517</b>	<b>705.134.590</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	5	<b>122.272.140</b>	<b>95.280.517</b>

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

B05-CTQ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Thay đổi trong năm				Số dư cuối năm		
	Thuyết minh	Ngày 1 tháng 1 năm 2017	Ngày 1 tháng 1 năm 2018	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	16	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối		16.056.007.683	27.265.175.969	12.454.631.428	(1.245.463.142)	14.983.556.492	(1.498.355.650)	27.265.175.969	40.750.376.811
3. Quỹ dự phòng tài chính		904.309.583	1.527.041.154	622.731.571	-	749.177.825	-	1.527.041.154	2.276.218.979
4. Vốn khác của chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)		904.309.583	1.527.041.154	622.731.571	-	749.177.825	-	1.527.041.154	2.276.218.979
		<b>42.864.626.849</b>	<b>55.319.258.277</b>	<b>13.700.094.570</b>	<b>(1.245.463.142)</b>	<b>16.481.912.142</b>	<b>(1.498.355.650)</b>	<b>55.319.258.277</b>	<b>70.302.814.769</b>

*Handwritten signature*



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 1. CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy phép số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014, Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 7 năm 2015 và Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK cấp ngày 11 tháng 7 năm 2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 11, số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 16 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14 người).

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125").

### 3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3.3 *Cơ sở hoạt động liên tục*

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

### 3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 *Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 4.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao với thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong năm. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 4.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

### **4.6 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm

### **4.7 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### **4.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **4.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.12 *Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư*

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính ("Thông tư 212") và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại phê duyệt số IC/2017/015 ngày 29 tháng 12 năm 2017.

### 4.13 *Thuế*

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.13 Thuế (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 4.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

#### *Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.15 Các quỹ**

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán		
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam	84.707.093	84.613.572
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	37.565.047	10.666.945
	<u>122.272.140</u>	<u>95.280.517</u>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Đây là các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm với mức lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,0%/năm.

**7. PHẢI THU TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	6.528.595.550	5.313.998.852
Phải thu phí quản lý quỹ thành viên (Thuyết minh số 25)	-	10.153.320
	<u>6.528.595.550</u>	<u>5.324.152.172</u>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi phải thu	3.835.059.503	1.108.852.768
Ứng trước tiền lương cho người lao động (*)	846.000.000	143.125.000
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác	8.504.971	22.950.000
	<b><u>4.689.564.474</u></b>	<b><u>1.274.927.768</u></b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản ứng trước tiền lương cho người lao động có kỳ hạn còn lại không quá một (1) năm, trong đó các khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới ba (3) tháng là 211.500.000 đồng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	876.840.410	475.097.875
Tăng trong năm	2.882.753.351	2.066.696.373
Phân bổ trong năm	<u>(2.769.341.423)</u>	<u>(1.664.953.838)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>990.252.338</u></b>	<b><u>876.840.410</u></b>

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Lãi phải thu	-	585.347.223
Ứng trước tiền lương cho người lao động	601.500.000	-
Cầm cố, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000
	<b><u>606.500.000</u></b>	<b><u>590.347.223</u></b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

			VND
	<i>Chi phí xây dựng văn phòng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	846.120.000	846.120.000
<i>Mua mới</i>	<u>228.519.500</u>	<u>44.137.500</u>	<u>272.657.000</u>
Số cuối năm	<u>228.519.500</u>	<u>890.257.500</u>	<u>1.118.777.000</u>
Trong đó:			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Số đầu năm	-	338.448.000	338.448.000
<i>Khấu hao trong năm</i>	<u>23.804.115</u>	<u>177.806.292</u>	<u>201.610.407</u>
Số cuối năm	<u>23.804.115</u>	<u>516.254.292</u>	<u>540.058.407</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	<u>507.672.000</u>	<u>507.672.000</u>
Số cuối năm	<u>204.715.385</u>	<u>374.003.208</u>	<u>578.718.593</u>

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	4.054.843.148
<i>Mua mới</i>	<u>447.015.000</u>
Số cuối năm	<u>4.501.858.148</u>
Trong đó:	
<i>Đã khấu hao hết</i>	417.200.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số đầu năm	1.308.798.892
<i>Hao mòn trong năm</i>	<u>866.595.296</u>
Số cuối năm	<u>2.175.394.188</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	<u>2.746.044.256</u>
Số cuối năm	<u>2.326.463.960</u>

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
 Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	696.612.498	719.160.335
Tăng trong năm	309.452.467	238.854.313
Phân bổ trong năm	(354.869.617)	(261.402.150)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>651.195.348</b>	<b>696.612.498</b>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	<u>Biến động trong năm</u>			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 24.2)	1.217.272.644	3.972.612.594	(3.817.272.643)	1.372.612.595
Thuế thu nhập cá nhân	53.131.933	1.743.783.152	(1.724.120.784)	72.794.301
Thuế khác	-	382.742.378	(382.742.378)	-
	<b>1.270.404.577</b>	<b>6.099.138.124</b>	<b>(5.924.135.805)</b>	<b>1.445.406.896</b>

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho nhân viên	3.289.712.000	2.835.718.000
Chi phí khác	728.304.064	239.838.908
	<b>4.018.016.064</b>	<b>3.075.556.908</b>

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Theo Giấy phép số 53/GP-UBCK (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn pháp định đã góp (VND)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (DLVN)	25.000.000.000	100	25.000.000.000

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác là DLVN</b>				
Ngân hàng HSBC Việt Nam	2.094.011.835	305.607.682.717	(299.855.184.110)	7.846.510.442
	<b>2.094.011.835</b>	<b>305.607.682.717</b>	<b>(299.855.184.110)</b>	<b>7.846.510.442</b>



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<b>Danh mục đầu tư ủy thác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Cổ phiếu niêm yết	80.863.000.374	70.436.188.831
<i>Trong đó:</i>		
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá (*)	53.735.996.761	1.560.271.877
Trái phiếu chính phủ	36.692.864.800	36.692.864.800
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	26.100.000.000	35.780.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	800.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu	-	2.200.000.000
	<b><u>144.455.865.174</u></b>	<b><u>145.109.053.631</u></b>



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)**

(\*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá như dưới đây:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Giá trị ghi sổ	VND
		Giá trị hợp lý
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	1.880.080.063	1.716.800.000
Công ty Cổ phần nhựa Bình Minh	957.201.652	841.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	900.305.745	752.700.000
Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	519.108.405	395.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	478.300.338	468.100.000
Công ty Cổ phần Cao Su Đà Nẵng	945.554.447	838.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	566.598.625	562.000.000
Công ty Cổ phần FPT	2.081.285.698	1.772.400.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	5.153.983.831	4.936.200.000
Công ty Cổ phần Gemadept	836.085.809	810.650.000
Công ty cổ phần GTNFOODS	208.612.450	195.700.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	462.216.286	454.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	484.475.625	448.500.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	940.583.763	896.000.000
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.050.600.717	1.949.850.000
Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1	454.681.000	409.500.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.292.834.996	2.063.256.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	189.608	154.800
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.534.648.709	1.476.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	104.038.380	84.150.000
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	1.798.351.698	1.431.000.000
Công ty Cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	1.028.573.769	932.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí	664.845.775	569.400.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí	177.856.585	157.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	1.783.479.458	1.663.200.000
Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	450.274.400	426.400.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	1.102.730.049	1.051.600.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Techcombank	3.335.645.975	2.714.250.000
Công ty Cổ phần VICOSTONE	1.151.859.858	845.000.000
Công ty cổ phần Vinhomes	8.553.561.293	7.376.700.000
Công ty cổ phần Hàng không VIETJET	1.582.158.456	1.476.000.000
Công ty Cổ phần Sửa Việt Nam	6.244.405.311	6.240.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam thịnh vượng	1.613.652.541	1.476.379.800
Công ty Cổ phần Vincom Retail	1.397.215.446	1.198.305.000
	<b>53.735.996.761</b>	<b>48.628.795.600</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)**

(\*) Danh sách cổ phiếu niêm yết bị giảm giá như dưới đây (tiếp theo):

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Giá trị ghi sổ	VND
		Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Thành Thành Công- Biên Hòa	8.711.031	5.616.000
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	132.823.312	126.420.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	983.885.868	963.814.250
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn	191.036.125	186.550.000
Công ty cổ phần Container Việt Nam	8.636.572	7.740.000
Công ty cổ phần Pin Ác quy Miền Nam	201.181.320	194.200.000
Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	33.997.649	29.656.200
	<b>1.560.271.877</b>	<b>1.513.996.450</b>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

Số cuối năm	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản phải thu khác từ nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Phải thu cổ tức	181.709.000	137.580.000
Phải thu bán cổ phiếu	342.535.425	580.210.377
	<b>524.244.425</b>	<b>717.790.377</b>

**20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

Số cuối năm	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Các khoản phải trả khác của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN</b>		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	6.528.595.550	5.313.998.852
Phải trả mua cổ phiếu	1.019.226.550	662.629.956
	<b>7.547.822.100</b>	<b>5.976.628.808</b>

**21. DOANH THU**

Năm nay	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí quản lý danh mục từ DLVN (Thuyết minh số 25)	38.009.169.067	29.409.389.268
Phí quản lý quỹ thành viên (Thuyết minh số 25)	-	909.573.112
	<b>38.009.169.067</b>	<b>30.318.962.380</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu từ hoạt động tài chính là khoản tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng.

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và các chi phí theo lương	13.990.289.840	10.804.345.857
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	4.115.281.903	3.229.762.978
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	2.777.473.974	1.657.616.046
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 11, 12)	1.068.205.703	1.035.819.296
Chi phí công tác	573.851.179	468.134.143
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.000	145.000.000
Thuế và phí khác	25.000.000	8.000.000
Chi phí khác	86.505.160	56.931.920
	<b>22.781.607.759</b>	<b>17.405.610.240</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.972.612.594	3.217.272.643
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(184.693.032)	(12.241.987)
	<b>3.787.919.562</b>	<b>3.205.030.656</b>

**24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

	Năm nay	VND Năm trước
<b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>18.771.476.054</b>	<b>15.659.662.084</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	3.754.295.212	3.131.932.416
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ khác	91.624.351	15.098.240
Thay đổi trong chi phí trích trước	97.693.031	12.241.987
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	29.000.000	58.000.000
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.972.612.594</b>	<b>3.217.272.643</b>

**24.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau :

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	87.000.000	-	87.000.000	-
Chi phí trích trước	145.660.813	47.967.781	97.693.032	12.241.987
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>184.693.032</b>	<b>12.241.987</b>

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
DLVN ( <i>Thuyết minh số 21</i> )	Công ty mẹ	Phí quản lý quỹ	38.009.169.067	29.409.389.268
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam ( <i>Thuyết minh số 21</i> )	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	-	909.573.112

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau :

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay Phải thu/ (Phải trả)</i>	<i>Năm trước Phải thu/ (Phải trả)</i>
DLVN ( <i>Thuyết minh số 7</i> )	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý quỹ	6.528.595.550	5.313.998.852
Quỹ Đầu tư cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam ( <i>Thuyết minh số 7</i> )	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	-	10.153.320
			<b>6.528.595.550</b>	<b>5.324.152.172</b>

**26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	570.084.000	432.480.000
Từ 1 đến 5 năm	1.591.484.500	1.639.820.000
	<b>2.161.568.500</b>	<b>2.072.300.000</b>

# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

### 27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa đô la Mỹ và đồng Việt Nam. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phân lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng đồng Việt Nam đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ.

### 27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín



## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào				VND
	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và tương đương tiền	122.272.140	-	-	-	122.272.140
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	14.000.000.000	-	-	56.900.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	-	-	-	6.528.595.550
Phải thu ngắn hạn khác	-	976.494.525	-	-	4.689.564.474
Phải thu dài hạn khác	-	-	606.500.000	-	606.500.000
	<b>122.272.140</b>	<b>53.141.665.499</b>	<b>14.976.494.525</b>	<b>606.500.000</b>	<b>68.846.932.164</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	728.304.064
Phải trả người bán ngắn hạn	-	647.766.842	-	-	647.766.842
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	-	-	-	435.000.000	435.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	197.249.382	-	-	197.249.382
	-	<b>845.016.224</b>	<b>728.304.064</b>	<b>435.000.000</b>	<b>2.008.320.288</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>122.272.140</b>	<b>52.296.649.275</b>	<b>14.248.190.461</b>	<b>171.500.000</b>	<b>66.838.611.876</b>



# Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

## 27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 27.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>					
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và tương đương tiền	95.280.517	-	-	-	95.280.517
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	16.000.000.000	4.000.000.000	28.200.000.000	48.200.000.000
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	-	5.324.152.172	-	-	5.324.152.172
Phải thu ngắn hạn khác	-	1.099.144.438	175.783.330	-	1.274.927.768
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	590.347.223	590.347.223
	<b>95.280.517</b>	<b>22.423.296.610</b>	<b>4.175.783.330</b>	<b>28.790.347.223</b>	<b>55.484.707.680</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	-	239.838.908	-	239.838.908
Phải trả người bán ngắn hạn	-	99.510.000	-	-	99.510.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	-	-	-	290.000.000	290.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	-	305.114.863	-	-	305.114.863
	-	<b>404.624.863</b>	<b>239.838.908</b>	<b>290.000.000</b>	<b>934.463.771</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>95.280.517</b>	<b>22.018.671.747</b>	<b>3.935.944.422</b>	<b>28.500.347.223</b>	<b>54.550.243.909</b>

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thành Viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

### 28. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	Số cuối năm	Đơn vị tính
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Tiền và tương đương tiền	122.272.140	95.280.517	122.272.140	122.272.140	95.280.517	95.280.517	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	56.900.000.000	48.200.000.000	56.900.000.000	56.900.000.000	48.200.000.000	48.200.000.000	
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	6.528.595.550	5.324.152.172	6.528.595.550	6.528.595.550	5.324.152.172	5.324.152.172	
Phải thu ngắn hạn khác	4.689.564.474	1.274.927.768	4.689.564.474	4.689.564.474	1.274.927.768	1.274.927.768	
Phải thu dài hạn khác	606.500.000	590.347.223	606.500.000	606.500.000	590.347.223	590.347.223	
	<b>68.846.932.164</b>	<b>55.484.707.680</b>	<b>68.846.932.164</b>	<b>68.846.932.164</b>	<b>55.484.707.680</b>	<b>55.484.707.680</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>							
Chi phí phải trả ngắn hạn	728.304.064	239.838.908	728.304.064	728.304.064	239.838.908	239.838.908	
Phải trả người bán ngắn hạn	647.766.842	99.510.000	647.766.842	647.766.842	99.510.000	99.510.000	
Phải trả ngắn hạn khác	197.249.382	305.114.863	197.249.382	197.249.382	305.114.863	305.114.863	
Quý dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	435.000.000	290.000.000	435.000.000	435.000.000	290.000.000	290.000.000	
	<b>2.008.320.288</b>	<b>934.463.771</b>	<b>2.008.320.288</b>	<b>2.008.320.288</b>	<b>934.463.771</b>	<b>934.463.771</b>	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn  
Một Thành Viên Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTQ

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh Ông Trần Châu Danh  
Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

HHH